TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÙ LAO DUNG
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 08/2019/DS-ST.
Ngày 20 - 6 - 2019
V/v "Tranh chấp
Hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÙ LAO DUNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Mỹ Xuyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Thành Phước.

2. Ông Đinh Công Thuấn.

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Tô Văn Thừa – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

Trong ngày 20 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 15/2019/TLST- DS, ngày 20 tháng 3 năm 2019 về việc "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2019/QĐXXST- DS ngày 04 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

***** *Nguyên đơn*: Nguyễn Thị Cẩm Th, sinh năm: 1986.

Địa chỉ: ấp S, xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng.

- *Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Nguyễn Thị Cẩm Th*: Ông Nguyễn Phương Đ, sinh năm: 1982. Địa chỉ: Đường Đ, Khu phố 6, thị trấn V, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận – Là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 05/4/2019) (Có mặt).

* *Bị đơn*: Nguyễn Văn K, sinh năm: 1988.
Địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 11 tháng 3 năm 2019, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Vào khoảng tháng 12/2015, chị Th có hợp đồng cho anh K vay (mượn) số tiền là 30.000.000 đồng để anh K kinh doanh nhà máy lọc nước, hợp đồng vay không có lãi suất, hợp đồng bằng lời nói, không có lập thành văn bản.

Vào tháng 01/2017, chị Th tiếp tục hợp đồng cho anh K vay (mượn) thêm số tiền là 57.900.000 đồng, hợp đồng vay không có lãi suất, hợp đồng bằng lời nói, không có lập thành văn bản, theo thỏa thuận của hợp đồng thì chị Th có nói với anh K là tiền do chị Th hốt hụi mùa mà có, khi vay (mượn) anh K phải đóng bù hụi chết cho chị Th theo mỗi kỳ góp hụi, với số tiền bù thêm mỗi kỳ là 1.500.000 đồng, số tiền hụi chị Th còn phải góp hụi chết là 06 kỳ, mỗi kỳ cách nhau khoảng 04 tháng. Sau khi vay thì anh K có góp cho chị Th số tiền để chị Th góp hụi chết là 5.700.000 đồng, còn lại số tiền là 3.300.000 đồng thì anh K không giao tiếp cho chị Th.

Tổng số tiền anh K nợ chị Th là 91.200.000 đồng. Trong đó bao gồm: Số tiền 30.000.000 đồng, anh K vay (mượn) tháng 12/2015, số tiền 57.900.000 đồng anh K vay vào tháng 01/2017 và số tiền là 3.300.000 đồng là số tiền anh K không tiếp tục đóng bù lại hụi chết cho chị Th.

Chị Th có yêu cầu anh K trả tiền nhiều lần, nhưng anh K chỉ hẹn mà không trả cho chị Thg, nên chị Th kiện anh kiên đến Tổ hòa giải ấp An Thường, xã An Thạnh 1, huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng. Ngày 01/3/2019 tổ hòa giải ấp An Thường, xã An Thạnh 1 tiến hành hòa giải, tại phiên hòa giải anh K thừa nhận có nợ chị Th tổng số tiền là 91.200.000 đồng, nhưng anh K hẹn thời gian trả quá dài, chị Th không đồng ý, nên buổi hòa giải không thành.

Nay chị Th yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh K phải có trách nhiệm hoàn trả cho chị Th tổng số tiền là 91.200.000 đồng *(Chín mươi mốt triệu hai trăm nghìn đồng),* không tính lãi, trả đủ trong 01 thời gian ngắn.

* Tại bản tự khai ngày 24 tháng 5 năm 2019, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn là anh Nguyễn Văn K trình bày: Anh K thừa nhận là vào khoảng tháng 12/2015, anh K có hợp đồng vay (mượn) của chị Th số tiền là 30.000.000 đồng để kinh doanh nhà máy lọc nước, hợp đồng vay không có lãi suất, hợp đồng bằng lời nói, không có lập thành văn bản, theo thỏa thuận của hợp đồng thì anh hẹn khi nào anh K có tiền thì anh K sẽ trả cho chị Th.

Vào tháng 01/2017, anh K tiếp tục hợp đồng vay (mượn) thêm của chị Th số tiền là 57.900.000 đồng, hợp đồng vay không có lãi suất, hợp đồng bằng lời nói, không có lập thành văn bản, theo thỏa thuận của hợp đồng thì chị Th có nói với anh K là tiền do chị Th hốt hụi mùa mà có, khi vay (mượn) anh K phải đóng bù hụi chết cho chị Th theo mỗi kỳ góp hụi, với số tiền bù thêm mỗi kỳ là 1.500.000 đồng, số tiền hụi chị Th còn phải góp hụi chết là 06 kỳ, mỗi kỳ cách nhau khoảng 04 tháng. Sau khi vay thì anh K có đưa cho chị Th số tiền để chị Th góp hụi chết là 5.700.000 đồng, còn lại số tiền là 3.300.000 đồng thì anh K không giao tiếp cho chị Th.

Tổng số tiền anh K còn nợ chị Th là 91.200.000 đồng. Trong đó bao gồm: Số tiền 30.000.000 đồng anh K vay (mượn) tháng 12/2015, số tiền 57.900.000 đồng anh K vay vào tháng 01/2017 và số tiền là 3.300.000 đồng là số tiền anh K không tiếp tục đóng bù lại hụi chết cho chị Th.

Anh K thống nhất hoàn trả cho chị Th tổng số tiền là 91.200.000 đồng *(Chín mươi mốt triệu, hai trăm nghìn đồng)*, nhưng do hoàn cảnh kinh tế gia đình gặp khó khăn, nên anh K yêu cầu chị Th cho anh K xin trả nhiều lần cụ thể như sau: Vào ngày 31/12/2019 DL trả 20.000.000 đồng; Vào ngày 31/12/2020 DL trả 30.000.000 đồng; Vào ngày 31/12/2021 DL trả 30.000.000 đồng; Vào ngày 31/12/2022 trả 11.200.000 đồng còn lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Theo đơn khởi kiện ngày 11 tháng 3 năm 2019 của chị Nguyễn Thị Cẩm Th có hợp đồng cho anh K vay tiền 02 lần với tổng số tiền là 91.200.000 đồng. Do anh K vi phạm hợp đồng không trả tiền đúng hạn cho chị Th, nên chị Th khởi kiện yêu cầu anh K phải hoàn trả tiền cho chị Th số tiền gốc 91.200.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp phát sinh trong vụ kiện này là Tranh chấp dân sự (Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản). Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về nội dung vụ án*:*

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu anh Nguyễn Văn K phải hoàn trả cho nguyên đơn tổng số tiền là 91.200.000 đồng *(Chín mươi mốt triệu hai trăm nghìn đồng),* không yêu cầu tính lãi, trả đủ trong thời gian 30 ngày.

Tại phiên tòa anh K thống nhất hoàn trả cho chị Th tổng số tiền là 91.200.000 đồng *(Chín mươi mốt triệu hai trăm nghìn đồng)*, nhưng do hoàn cảnh kinh tế gia đình gặp khó khăn, nên anh K yêu cầu chị Th cho anh K xin trả nhiều lần cụ thể như sau: Vào ngày 31/12/2019 DL trả 20.000.000 đồng; Vào ngày 31/12/2020 DL trả 30.000.000 đồng; Vào ngày 31/12/2021 DL trả 30.000.000 đồng; Vào ngày 31/12/2022 trả 11.200.000 đồng còn lại.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Giữa người đại diện theo ủy quyền của chị Th và anh K đều thống nhất là giữa chị Th và anh K có hợp đồng vay tài sản với nhau và hiện nay anh K còn nợ chị Th tổng số tiền gốc là 91.200.000 đồng. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự các tình tiết nêu trên là tình tiết không phải chứng minh trong vụ án.

Như vậy, giữa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và bị đơn đã thống nhất số tiền còn nợ, nhưng không thỏa thuận được thời gian và cách thanh toán nợ. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu anh K phải có trách nhiệm hoàn trả cho chị Th tổng số tiền gốc là 91.200.000 đồng, không yêu cầu tính lãi là hoàn toàn phù hợp theo quy định tại Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2005 (Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015). Vì vậy, cần xử buộc anh Nguyễn Văn K phải có trách nhiệm hoàn trả cho chị Nguyễn Thị Cẩm Th tổng số tiền gốc là 91.200.000 đồng *(Chín mươi mốt triệu hai trăm nghìn đồng),* không tính lãi.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc anh Nguyễn Văn K phải nộp số tiền là 4.560.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm; Chị Nguyễn Thị Cẩm Th không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho chị Nguyễn Thị Cẩm Th số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.280.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000700 ngày 20 tháng 3 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

Ngoài ra, căn cứ vào Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 2 Điều 92, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 122, Điều 389, Điều 401, Điều 402, Điều 471, Điều 474 của Bộ luật dân sự năm 2005 (Điều 117, Điều 119, Điều 398, Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015); Điều 17 Luật phí và Lệ phí; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Cẩm Th.

Buộc anh Nguyễn Văn K phải hoàn trả cho chị Nguyễn Thị Cẩm Th tổng số tiền vay gốc là 91.200.000 đồng *(Chín mươi mốt triệu hai trăm nghìn đồng).*

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày chị Th có đơn yêu cầu thi hành án mà anh Nguyễn Văn K không hoàn trả số tiền 91.200.000 đồng *(Chín mươi mốt triệu hai trăm nghìn đồng)* thì hàng tháng anh K còn phải trả lãi cho chị Th đối với số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn K phải nộp 4.560.000 đồng *(Bốn triệu năm trăm sáu mươi ngàn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm; Chị Nguyễn Thị Cẩm

Th không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho Chị Nguyễn Thị Cẩm Th số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.280.000 đồng *(Hai triệu hai trăm tám mươi ngàn đồng)* theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000700 ngày 20 tháng 3 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo bản án: Chị Nguyễn Thị Cẩm Th, anh Nguyễn Văn K có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Cù Lao Dung;
- Chi cục THADS huyện Cù Lao Dung;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Mỹ Xuyên